ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:977 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 26 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán kinh phí trồng rừng thay thế dự án Đường tránh ngập vào trung tâm các xã nghèo miền núi 30a: Đồng thắng, Cường Lợi, Lâm Ca; đảm bảo an sinh xã hội và quốc phòng an ninh huyện Đình Lập

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh; Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo thẩm định số 294/BC-SNN ngày 20/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán kinh phí trồng rừng thay thế dự án Đường tránh ngập vào trung tâm các xã nghèo miền núi 30a: Đồng Thắng, Cường Lợi, Lâm Ca; đảm bảo an sinh xã hội và quốc phòng an ninh huyện Đình Lập với các nội dung như sau:

1. Tên công trình, chủ đầu tư, hình thức đầu tư:

a) Tên công trình lâm sinh: Trồng rừng thay thế dự án Đường tránh ngập vào trung tâm các xã nghèo miền núi 30a: Đồng Thắng, Cường Lợi, Lâm Ca; đảm bảo an sinh xã hội và quốc phòng an ninh huyện Đình Lập.

b) Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Lộc Bình.

c) Hình thức, nguồn vốn đầu tư: nguồn kinh phí trồng rừng thay thế của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

2. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn xã Hữu Lân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

3. Mục tiêu đầu tư: sử dụng kinh phí trồng rừng thay thế dự án Đường tránh ngập vào trung tâm các xã nghèo miền núi 30a: Đồng Thắng, Cường Lợi, Lâm Ca; đảm bảo an sinh xã hội và quốc phòng an ninh huyện Đình Lập nộp về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh để tổ chức trồng mới diện tích rừng phòng hộ có hiện trạng là đất trống, đồi núi trọc, tạo việc làm cho hộ gia đình, nâng cao đời sống người dân và phát huy tính bền vững trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp tại địa phương.

4. Nội dung và quy mô

Thực hiện trồng mới rừng phòng hộ diện tích 25,968 ha trên đất trống quy hoạch rừng phòng hộ tại xã Hữu Lân, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Chi tiết lô, khoảnh, tiểu khu thiết kế trồng rừng như sau:

TT	Tiểu khu	Khoảnh	Lô thiết kế	Diện tích	Tổng số hộ nhận khoán
	1.Tk	**2.Kh**	**7 lô**	**25,968**	
1	376	6	1	3,000	Tập thể thôn Suối Lông
2	376	6	2	1,000	
3	376	6	3	3,900	
4	376	6	4	4,000	
5	376	6	5	5,068	
6	376	9	1	4,800	
7	376	9	2	4,200	

- Loài cây trồng: Thông đuôi ngựa (Thông Mã vĩ). Phương thức trồng: Trồng thuần loài. Mật độ trồng: 1.600 cây/ha. Cự ly trồng: Cây cách cây 2,5m, hàng cách hàng 2,5m. Thời vụ trồng: Vụ Xuân - Hè.

5. Tổng dự toán kinh phí thực hiện: 2.078.153.000 đồng *(Hai tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu, một trăm năm mươi ba nghìn đồng chẵn)*, chi tiết tại Biểu kèm theo Quyết định này.

6. Thời gian thực hiện:

- Thiết kế và trồng rừng: năm 2023;

- Chăm sóc rừng trồng: 3 năm, từ năm 2024 - 2026.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo đến chủ dự án Đường tránh ngập vào trung tâm các xã nghèo miền núi 30a: Đồng Thắng, Cường Lợi, Lâm Ca; đảm bảo an sinh xã hội và quốc phòng an ninh huyện Đình Lập (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn) để thực hiện việc nộp tiền trồng rừng thay thế dự án theo quy định; theo dõi, đôn đốc việc trồng rừng thay thế bảo đảm tiến độ, chất lượng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ), Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm (Giám đốc Quỹ), Chủ tịch UBND huyện Lộc Bình, Ban Quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Lộc Bình và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn;
- Các PVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm PVHCC, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh

Dự toán thiết kế trồng rừng thay thế dự án Đường tránh ngập vào trung tâm các xã nghèo miền núi 30a: Đồng Thắng, Thường Lợi, Lâm Ca; đảm bảo an sinh xã hội và quốc phòng an ninh huyện Đình Lập

(Kèm theo Quyết định số: 977/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Hạng mục	Mức đầu tư (đồng/ha)	Khối lượng (ha)	Tổng	Trồng rừng và chăm sóc năm 1	Chăm sóc		
						Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
	TỔNG (1+2+3)	**80.027.000**	**25,968**	**2.078.153.000**	**798.013.000**	**544.339.000**	**369.532.000**	**366.268.000**
1	**Chi phí lâm sinh**	**76.200.440**	**25,968**	**1.978.773.014**	**735.919.210**	**528.484.869**	**358.768.562**	355.600.372
a	Vật tư	7.369.600	25,968	191.373.773	119.245.056	72.128.717	0	0
	- Chi phí cây giống	2.496.000	25,968	64.816.128	59.414.784	5.401.344	0	0
	- Chi phí phân bón	4.873.600	25,968	126.557.645	59.830.272	66.727.373	0	0
b	Nhân công	68.830.840	25,968	1.787.399.241	616.674.154	456.356.152	358.768.562	355.600.372
	- Trồng rừng	16.246.868	25,968	421.898.671	421.898.671	0	0	0
	- Chăm sóc lần 1	28.938.963	25,968	751.486.996	173.704.836	261.154.891	159.897.730	156.729.539
	- Chăm sóc lần 2	17.965.151	25,968	466.519.045	0	153.059.967	156.729.539	156.729.539
	- Bảo vệ	5.679.857	25,968	147.494.529	21.070.647	42.141.294	42.141.294	42.141.294
2	**Chi phí khảo sát, thiết kế**	**1.540.990**	**25,968**	**40.016.416**	**40.016.416**	**0**	**0**	**0**

Số TT	Hạng mục	Mức đầu tư (đồng/ha)	Khối lượng (ha)	Tổng	Trồng rừng và chăm sóc năm 1	Chăm sóc		
						Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
3	**Chi phí quản lý 3% chi phí lâm sinh**	**2.286.013**	**25,968**	**59.363.190**	**22.077.576**	**15.854.546**	**10.763.057**	**10.668.011**
	- Cấp tỉnh 0,3%	228.601	25,968	5.936.319	2.207.758	1.585.455	1.076.306	1.066.801
	-Cấp huyện 0,15%	114.301	25,968	2.968.160	1.103.879	792.727	538.153	533.401
	- Cấp xã 0,15%	114.301	25,968	2.968.160	1.103.879	792.727	538.153	533.401
	- Chủ đầu tư 2,4%	1.828.811	25,968	47.490.552	17.662.061	12.683.637	8.610.445	8.534.409